

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HN - ST

Ngày: 16 - 6 - 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

2. Ông Lê Minh Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1988 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T1, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 67/4 ấp LQ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2020 và tại phiên tòa - nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Trần Minh T1 sống chung với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2009 thì chị và anh T1 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh T1

bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, anh T1 không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đến năm 2019 thì anh T1 tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, thỉnh thoảng anh T1 kêu chị chở con cho anh T1 thăm, mạnh người nào người đó sống không ai quan tâm chăm sóc gì đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thiện K, sinh ngày 14/9/2011, chị T yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu K, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Trần Minh T1 không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện còn đăng ký thường trú tại Long Quới, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Minh T1 được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Minh T1 theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 24/4/2009 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Ngọc T và anh Trần Minh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 không còn gắn bó, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Minh T1 đã được triệu tập tham gia các phiên hòa giải nhưng không tham gia cũng không có văn bản nêu

ý kiến về các yêu cầu của chị T, nên không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị T yêu cầu được nuôi cháu Trần Thiện K, sinh ngày 14/9/2011 là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, cháu K từ khi chị T và anh T1 không sống chung đến nay do chị T nuôi dưỡng, cháu K cũng có nguyện vọng sống với chị T; anh T1 không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Minh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thiện K, sinh ngày 14/9/2011 cho chị Võ Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngọc T không yêu cầu anh Trần Minh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai T tiền số 0005500 ngày 21/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Minh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Đặng Thị Ngọc Tú**